

Bản án số: 02/2021/HS-ST

Ngày 19 - 01 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quang Bằng

Ông Phùng Văn Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:**  
Ông Vũ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử Lưu động sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

N, sinh năm 1970; tại: Xã H, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn D, thị trấn T, huyện TD, thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị D (Đều đã chết); chồng, con: Không; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án số: 09/HS-ST ngày 25/02/1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 14 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ” và tại bản án số 825 ngày 27/5/1997 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã giữ N bản án sơ thẩm. Ngày 01/02/2005, N được đặc xá về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

*Người làm chứng:* Ông Đinh Trọng K và bà Nguyễn Thị T;

Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc (ông K vắng mặt, bà T có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1993, N, sinh năm 1970, ở thôn S, xã H, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc (hiện đang sinh sống tại huyện TD, thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc) bị lừa bán sang Trung Quốc, sau đó N lấy chồng và sinh sống tại huyện TD, thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc. Năm 1996, N móc nối với một số đối tượng ở Việt Nam và tham gia việc bán 05 người phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc nên N đã bị Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn bắt giữ, khởi tố về tội “Mua bán phụ nữ”. Tại Bản án số 825 ngày 27/5/1997 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tuyên phạt N 14 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ” theo khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1985. Đến năm 2005, N được đặc xá, tha tù trước thời hạn. Sau khi ra tù, N sang Trung Quốc sinh sống tại thôn D, thị trấn T, huyện TD, thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc. Trong thời gian từ 2005 đến nay, N nhập cảnh trái phép về Việt Nam thăm gia đình 02 lần vào các năm 2007 và 2011.

Sau khi trở về Việt Nam thăm quê vào năm 2011, N biết tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc trồng nhiều cây gỗ sưa và cây trà hoa vàng là hai loại cây mà bên Trung Quốc ưa chuộng, nhập mua nhiều với giá trị kinh tế cao nên khi trở về Trung Quốc, N kể lại việc này cho nhiều người nghe, trong đó có cháu họ của chồng N là L, sinh năm 1998, cùng trú với N tại thôn D, thị trấn T, huyện TD, thành phố N, tỉnh Q. sau đó cũng đã kể cho bạn của L là Đ, sinh năm 1976, trú tại thị trấn T, huyện TD nghe việc N kể.

Đến khoảng cuối tháng 10/2020, L và Đ bàn bạc với nhau việc L và Đ sẽ sang Việt Nam để tìm kiếm thị trường mua gỗ sưa và cây trà hoa vàng rồi mang về Trung Quốc bán kiếm lời. Do L và Đ đều không biết đường đi và không biết tiếng Việt Nam nên L đã bàn với Đ là nhờ N đưa sang Việt Nam. Vì biết N không có tiền nên L, Đ thống nhất sẽ cùng nhau chi trả toàn bộ chi phí ăn uống, đi lại từ Trung Quốc sang Việt Nam và từ Việt Nam trở về Trung Quốc. Đ bảo L đến nhờ N đưa sang Việt Nam, đồng thời Đ cho L biết là Đ sẽ rủ cháu họ của Đ là N, sinh năm 1994, trú tại thị trấn T, huyện TD đi cùng thì L đồng ý. Sau đó, L gặp N đặt vấn đề nhờ N đưa L, Đ và B sang Việt Nam tìm mua gỗ sưa và trà hoa vàng mang về Trung Quốc bán, mọi chi phí đi lại của N sẽ do L, Đ, N chi trả. N đồng ý với điều kiện là nhóm L phải chi trả cho N số tiền 10.000 nhân dân tệ nếu như tìm được nguồn hàng. Vì rất muốn sang Việt Nam nên L đã đồng ý với điều kiện của N. Do cả nhóm đều biết đang có dịch virus Covid-19, nếu nhập cảnh vào Việt Nam bằng hộ chiếu hoặc giấy thông hành thì thủ tục xin giấy sẽ lâu và sẽ phải cách ly tập trung ít nhất là 15 ngày nên N bảo L là cả nhóm sẽ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam theo đường mòn, mỗi người phải chuẩn bị trước số tiền khoảng từ 3.000 đến 4.000 nhân dân

tệ để đi và chi phí. Sau đó, L nói lại với Đ và Nội dung trao đổi với N về chuẩn bị tiền, về việc nhập cảnh trái phép để Đ, N chuẩn bị. Tuy vậy L không nói gì với Đ, Về việc N đòi 10.000 nhân dân tệ mà L dự định là sau khi trở về Trung Quốc mới nói, nếu Đ và N không đồng ý thì L sẽ tự bỏ tiền cá nhân ra để trả cho N. Vì Đ đã có gia đình, kinh tế khá giả hơn nên Đ, L, Nhất thống nhất là Đ sẽ tự ứng tiền ra trước để chi trả mọi chi phí đi lại từ Trung Quốc sang Việt Nam cho cả 04 người, sau khi quay trở về Trung Quốc thì cả Đ, L và N sẽ cùng tính toán và chia ra số tiền mà mỗi người phải chịu chi phí.

Sau khi nhận lời đưa L, Đ và N sang Việt Nam. N đã sử dụng Zalo liên lạc với chị dâu của N là bà H trú tại thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc để xin số điện thoại của anh V, sinh năm 1992 (là con trai bà H) làm nghề lái xe taxi để nhờ V đi lên tỉnh Lạng Sơn đón N và cả nhóm về Vĩnh Phúc, đồng thời N nhờ bà H cho N và 03 người Trung Quốc cùng đoàn về ở nhờ nhưng bà H không đồng ý vì đang có dịch Covid.

Khoảng 05 giờ 00 phút sáng ngày 06/11/2020, sau khi được N thông báo về thời gian xuất hành thì Lục Khang L, Đ và B tập trung tại khu vực đường giao thông gần nhà N và cùng nhau Thuê một chiếc xe ô tô (xe taxi) để đi lên khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại thành phố Bằng Tường, Q, Trung Quốc, tiếp giáp với tỉnh Lạng Sơn của Việt Nam. Trước khi sang Việt Nam, theo yêu cầu của N, L mang theo khoảng 4.000 nhân dân tệ, Đ mang theo khoảng hơn 3.000 nhân dân tệ còn N mang theo 3.000 nhân dân tệ. Đến khoảng 08h giờ 30 phút cùng ngày, N cùng L, Đ và B đi đến khu vực biên giới Việt - Trung. Do đã có thỏa thuận từ trước nên Đ đã dùng tiền của Đ trả cho lái xe taxi số tiền 600 nhân dân tệ, bao gồm tiền xe của Đ, N1, L và N. Tại khu vực mà cả nhóm xuống xe là địa phận của Trung Quốc nhưng có nhiều người làm dịch vụ đưa đón người xuất, nhập cảnh trái phép qua đường mòn mà không cần đi qua cửa khẩu nên khi nhóm của N tới thì có nhiều người đi đến để chào mời. N đã chọn 01 người nam giới khoảng 40 tuổi (không rõ nhân thân, lai lịch) nói tiếng Việt để nhờ người này đưa N, L, Đ, B nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Trao đổi bằng tiếng Việt với N thì người nam giới khoảng 40 tuổi này cho biết là chi phí nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua đường mòn rừng núi là 500 nhân dân tệ/01 người. N dịch lại nội dung lời người nam giới này bằng tiếng Trung Quốc cho L, Đ và N nghe thì cả nhóm đều đồng ý việc nhờ người đàn ông khoảng 40 tuổi này đưa cả nhóm qua biên giới để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sau đó, Đ đã dùng tiền của Đ đưa cho người nam giới khoảng 40 tuổi này số tiền 2.000 nhân dân tệ là chi phí nhập cảnh của 04 người. Sau đó, người nam giới này đã dẫn N, L, Đ, N1 đi bộ băng qua lối mòn đường rừng khoảng hơn 02 giờ đồng hồ, đến khoảng 11h00' cùng ngày thì cả nhóm sang đến địa phận tỉnh Lạng Sơn của Việt Nam và nghỉ chân tại khu vực tiếp giáp với một đường nhựa lớn. Khi đi bộ đường rừng qua biên giới thì L bị rơi mất điện thoại và tiền mặt của L nên mọi việc liên lạc với N sau này đều do Đ thực hiện. Sau khi sang đến lãnh thổ Việt Nam,

N đã gọi điện thoại cho chị gái song sinh của N là Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, trú tại thôn Y, xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc và nhờ bà T lên Lạng Sơn đón thì bà T bảo N là cứ bắt xe khách về quê vì đường xa, không ai lên đón được. N đã nói với người nam giới khoảng 40 tuổi dẫn đường về việc người thân của N không cho ở nhờ, cũng không lên đón thì người đàn ông này bảo N là cứ bắt xe khách về quê trước để xin ý kiến người thân còn cứ để 03 người Trung Quốc ở lại tỉnh Lạng Sơn, nếu người nhà N cho ở nhờ thì người đàn ông này sẽ bắt xe cho họ để họ tự về tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, người nam giới này Thuê xe ôm đưa N xuống bến xe Tân Thanh, tỉnh Lạng Sơn sau đó N bắt xe khách về tỉnh Vĩnh Phúc, còn Đ, N1, L đợi N tại khu vực biên giới. Khi về Việt Nam, N mang theo số tiền 2.000 nhân dân tệ nên khi xuống bến xe Tân Thanh, N đã nhờ người lái xe ôm đổi giúp N sang tiền Việt Nam (được 6.000.000đ VNĐ) và mua giúp N 01 sim điện thoại Việt Nam (số Thuê bao 0369.696.290) để tiện cho việc liên lạc vì sim số Trung Quốc chỉ hoạt động được tại Trung Quốc và khu vực giáp biên giới. Đến khoảng 17h00' cùng ngày thì N về đến thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (N không nhớ biển kiểm soát, không nhớ đã đi xe của nhà xe nào). Do được N thông báo trước nên bà T đã Thuê anh A, sinh năm 1988, trú tại thôn Nhân Lý, xã T, huyện Đ là lái xe taxi đưa bà T xuống bến xe V để đón N về nhà bà T. Khi về đến nhà bà T, N nói với bà T là N đã đưa 03 người Trung Quốc cùng sang Việt Nam để họ tìm mua gỗ sưa và nhờ vợ chồng bà T cho N và 03 người Trung Quốc ở nhờ thì bà T và ông Đinh Trọng K (chồng bà T) đã đồng ý. N gọi điện thoại cho Đ, bảo Đ đưa điện thoại cho người đàn ông dẫn đường để N nói chuyện với người này. Qua điện thoại, N nhờ người đàn ông dẫn đường Thuê xe đưa Đ, N1, L về nhà bà T. Người đàn ông dẫn đường đã Thuê xe taxi (không rõ biển kiểm soát và thông tin lái xe) đưa Đ, L và N về tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đường đi, N nói chuyện với người lái xe thông qua điện thoại của Đ và bảo người lái xe này cho xe dừng ở khu vực quốc lộ 18, tiếp giáp địa phận tỉnh Bắc Ninh. Sau đó, N đã nhờ anh Y là con trai bà T liên hệ với anh X, sinh năm 1980 ở thôn Y, T, huyện Đ (lái xe taxi) đưa N đến khu vực quốc lộ 18, địa điểm tiếp giáp địa phận tỉnh Bắc Ninh để N đón Đ, L, N đưa về nhà bà T ở xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi về đến nhà bà T thì Đ, L và N được gia đình bà T bố trí ở tại một căn phòng trong nhà, còn N thì ngủ với bà T.

Đến ngày 07/11/2020, do sợ chính quyền địa phương phát hiện ra việc có người Trung Quốc ở tại nhà mình trong thời điểm có dịch Covid-19 nên vợ chồng bà T đã bảo N đưa Đ, L, N đi nơi khác ở. Thấy vậy, N bảo bà T là N sẽ cùng Đ, L, N xuống thành phố Hà Nội để Thuê nhà vì ở đó Đ người nên không có ai để ý. Sau đó, bà T đã cho N số điện thoại của anh C, sinh năm 1990, là con trai bà D (bà D chị ruột cùng cha khác mẹ với N và bà T) hiện đang làm việc, sinh sống ở Hà Nội và bảo N liên hệ để được C giúp đỡ. Sáng ngày 08/11/2020, N gọi điện thoại cho anh C và thông báo xuống chơi thì được anh C cho địa chỉ của anh C đang là thợ cắt tóc tại quán ở ngõ 136, đường M, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Sau đó, N đã một mình theo xe ô tô khách xuống nhà anh C, còn 03 người

Trung Quốc vẫn ở lại nhà bà T. Khi gặp anh C, N nhờ anh C Thuê giúp N 01 căn nhà để cho 03 người Trung Quốc ở nhưng anh C không đồng ý. Trong thời gian từ ngày 08/11/2020 đến ngày 10/11/2020, N ở lại chơi tại nhà ở của vợ chồng anh C (ở Phòng A, Tòa S, khu nhà ở V, số 136 đường M) ở gần quán cắt tóc của anh C. Đến chiều ngày 10/11/2020, N đi bộ ra đầu ngõ 136, đường M là nơi tập kết của hãng taxi Bắc Á và hỏi các lái xe về việc muốn tìm phòng trọ cho mình và 03 người Trung Quốc không mang theo giấy tờ thì những người lái xe này đều nói cho N biết là không thể tìm được phòng cho Thuê tại đây vì lực lượng Công an quản lý rất chặt, chỉ sang bên khu vực ngoại thành như G hay Long Biên thì mới dễ Thuê nhà trọ vì ở đó tập trung nhiều người lao động, chính quyền quản lý lỏng lẻo hơn. N Thuê anh E, sinh năm 1988, trú tại thôn V, xã L, huyện B, Hà Nội, là lái xe của hãng Bắc Á đang đỗ gần đó, để N sang G Thuê nhà trọ. Anh E đưa N đến một ngõ dẫn vào khu nhà trọ tại thị trấn Trâu Quỳ, huyện G, Hà Nội để N vào Thuê nhà, còn anh E ngồi đợi ở ngoài đường lớn. N đi bộ vào trong khu vực nhà trọ và được một người phụ nữ không rõ thông tin cá nhân, khoảng từ 60 đến 70 tuổi cho Thuê 01 phòng trọ khoảng 20m<sup>2</sup> tại tầng 2 của khu nhà trọ. N đưa cho người này số tiền 1.000.000đ để đặt cọc rồi ra về. Sau đó, anh E đưa N quay về ngõ 136 đường M. N đến phòng ở của anh C lấy đồ dùng cá nhân rồi bắt xe về nhà bà Nguyễn Thị T vào tối ngày 10/11/2020.

Đến gần trưa ngày 11/11/2020, N Thuê anh A lái xe taxi đưa N và Đ, L, N xuống đầu ngõ 136 M, Hà Nội. Sau khi N và Đ, L, N xuống xe thì anh A quay trở về tỉnh Vĩnh Phúc. Do được hẹn từ trước nên anh E đã đưa N và Đ, L, N sang khu nhà trọ tại Trâu Quỳ, G và được N thanh toán cho số tiền 300.000đ rồi quay về. N và Đ, L, N cùng ở chung trong căn phòng trọ ở Trâu Quỳ, G mà N đã Thuê được từ trước. Để tránh bị chính quyền phát hiện, N yêu cầu Đ, L và N ở yên trong phòng, không được ra ngoài, mọi việc sinh hoạt, ăn uống N đều trực tiếp ra ngoài mua cho họ. Tuy nhiên, đến sáng ngày 13/11/2020 thì chủ nhà trọ phát hiện ra việc N và 03 người Trung Quốc không có giấy tờ hợp pháp nên đã đuổi N ra khỏi nhà, đồng thời dọa báo Công an. Vì sợ bị bắt giữ nên N đã Thuê xe taxi đưa N1 về quán cắt tóc của anh C ở ngõ 136 M, Hà Nội. N gọi điện thoại cho Đ thông báo việc chủ nhà trọ đã phát hiện ra họ là người Trung Quốc và đang dọa báo Công an. Nghe thấy N nói vậy thì Đ, L và N1 đã bỏ chạy ra khỏi nhà trọ, sau đó đi bộ khoảng hơn 03 giờ đồng hồ thì Đ đã gọi điện thoại cho N, trách mắng N việc N đã bỏ rơi họ và yêu cầu N đến đón vì cả 03 người đều không biết tiếng Việt và không biết sẽ đi đâu. N đồng ý và hướng dẫn Đ hỏi người đi đường về địa chỉ mình đang đứng rồi nhắn lại cho N. Sau đó, Đ đã sử dụng phần mềm phiên dịch Mr. Translator trên điện thoại để hỏi người dân và thông báo cho N biết hiện đang ở thành phố Bắc Ninh. Do N đã gọi điện thoại Thuê anh A xuống Hà Nội đón, nên sau khi được anh A đón tại ngõ 136 M thì N đã cùng anh A đi sang thành phố Bắc Ninh để đón Đ, L và N1. Sau khi đón được Đ, L và N thì tất cả cùng đi taxi của anh A về nhà bà T ở xã T, huyện Đ. Đến khoảng 23h30' cùng ngày thì anh A đưa cả nhóm về đến huyện Đ, tỉnh

Vĩnh Phúc. Do đã về đêm, sợ làm phiền vợ chồng bà T nên N đã nhờ anh A Thuê giúp nhà nghỉ để ở tạm. Anh A điều khiển xe ô tô đưa N, Đ, L và N đến nhà nghỉ Ngọc Vân ở thôn TM, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc Thuê 02 phòng nghỉ qua đêm. Do Đ, L và N không mang theo giấy tờ cá nhân nên đến sáng ngày 14/11/2020, anh G, sinh năm 1980 là chủ nhà nghỉ đã yêu cầu N, Đ, L và N rời nhà nghỉ. N gọi điện thoại cho bà T nhờ bà T bảo cho anh Y đến đón, đưa cả nhóm về nhà T. Đến chiều cùng ngày, ông Đinh Trọng K báo cáo lãnh đạo thôn về việc N đưa 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và đang ở tại nhà ông K. Đến sáng ngày 15/11/2020, N, Đ, L và N được mời lên Công an xã T để làm việc. Do N, Đ, L, N đến từ vùng dịch Covid-19, không chấp hành các quy định về phòng chống dịch, nên đến tối ngày cùng ngày thì UBND huyện Đ đã ra quyết định đưa N, Đ, L, N1 đi cách ly, phòng dịch tại Khách sạn DIC-Star Vĩnh Phúc ở phường Khai Quang, thành phố V, Vĩnh Phúc trong thời hạn 15 ngày. Kết thúc thời gian cách ly, N, Đ, L, N1 đều cho kết quả xét nghiệm 02 lần âm tính với virus Covid-19.

Theo lời khai của N thì năm 1993 N bị kẻ xấu lừa bán sang Trung Quốc làm vợ một người đàn ông Trung Quốc tên là I (tên gọi khác là I1). Năm 1994, N sinh được một con trai đặt tên là I2. Năm 1997, I bị bệnh chết nên N ở cùng với con trai tại nhà của I ở thôn D, thị trấn T, huyện TD, thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc. Mặc dù ở nhà I nhưng N không có hộ khẩu ở đây.

Ngày 26/11/2020, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 129, trưng cầu Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo đã thu giữ của N.

Tại bản Kết luận giám định số 3096 ngày 07/12/2020 của Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

*“Khôi phục và trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định, qua phân tích dữ liệu là tin nhắn, hình ảnh, âm thanh tìm thấy:*

- 118 tin nhắn ứng dụng zalo.*
- 5.358 tập tin ảnh.*
- 2.128 tập tin âm thanh.*

*Toàn bộ dữ liệu được in trong một đĩa DVD”*

Đối với người đàn ông khoảng ngoài 40 tuổi là người đã được đưa N Thuê sau đó đưa N, Đ, L, N1 nhập cảnh trái phép vào Việt Nam từ theo đường rừng. Do N, Đ, L, N1 đều không biết tên tuổi, nhân thân, địa chỉ của người này nên việc Cơ quan điều tra không có cơ sở để xem xét xử lý đối với người đàn ông này là đúng quy định.

Đối với bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Trọng K, là chị gái, anh rể của N là người đã cho N và 03 đối tượng Trung Quốc ở tại gia đình mình trong thời gian các đối tượng này nhập cảnh vào Việt Nam. Tuy nhiên, chỉ tới khi N đến nhà nói chuyện thì ông K và bà T mới biết các đối tượng trên đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Mặt khác, trong quá trình 03 đối tượng Trung Quốc và N sinh sống tại xã T đều được gia đình bà T nuôi ăn ở miễn phí, không phải đóng góp bất kỳ khoản tiền nào; bà T và ông K không được hưởng bất kỳ lợi ích vật chất và tinh thần gì trong thời gian những người trên ở tại nhà mình. Do vậy, chưa đủ căn cứ xác định bà T và ông K đồng phạm với N trong việc tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép. Việc Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc không đề cập xử lý đối với bà T và ông K là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với các anh A, X, E, đều là những người hành nghề lái xe taxi đã đưa, đón N trong quá trình ở tại Việt Nam để Thuê nhà (anh E) và di chuyển (anh A, X). Tuy nhiên, do họ đều làm nghề dịch vụ đưa đón khách, không ai biết N và 03 người Trung Quốc đã nhập cảnh trái phép và đi đâu, làm gì nên việc CQĐT không xử lý họ là phù hợp.

Việc xác định địa điểm nhập cảnh trái phép và xác định nhà trọ do các đối tượng Thuê tại Hà Nội: Sau khi N và 03 đối tượng Trung Quốc hết thời hạn cách ly tập trung theo quy định, ngày 29/11/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, người phiên dịch đưa cả 04 đối tượng lên khu vực biên giới tại cửa khẩu Tân Thanh, huyện VL, tỉnh Lạng Sơn để xác định địa điểm nhập cảnh trái phép. Do khu vực biên giới rất rộng, trong quá trình nhập cảnh trái phép, các đối tượng di chuyển vội vàng để trốn tránh sự phát hiện, quản lý của cơ quan chức năng nên không ai nhớ được đã vào Việt Nam từ địa điểm cụ thể nào. Tuy nhiên, N khẳng định sau khi được người dẫn đường đưa vượt biên trái phép qua đường rừng sang Việt Nam vào ngày 06/11/2020 thì N được người lái xe ôm đưa xuống bến xe Tân Thanh Tộc tỉnh Lạng Sơn để Thuê xe khách về Vĩnh Phúc.

Đối với việc xác định thông tin về nhà trọ tại Hà Nội: Quá trình điều tra cả N và anh E đều khai rằng không nhớ được địa chỉ cụ thể nhà trọ ở Trâu Quỳ, G, Hà Nội nơi N đã Thuê cho 03 người Trung Quốc ở, do N chỉ đến đây 02 lần còn anh E chỉ chở N đến đầu đường (nơi khu vực tập trung nhiều nhà trọ để N tự đi Thuê nhà). Do đó CQĐT không xác định được chính xác nhà trọ nào mà N và 03 người Trung Quốc đã Thuê trọ.

Việc T thập hồ sơ, tài liệu chứng minh nhân thân, lai lịch của các đối tượng: Trong quá trình điều tra, Đ đã liên lạc qua điện thoại với người thân, bạn bè tại Trung Quốc, nhờ đến nhà của B và L chụp ảnh Sổ hộ khẩu và gửi qua ứng dụng Wechat cho Đ. Ngày 26/11/2020, Đ đã cung cấp cho Cơ quan An ninh điều tra 23 trang tài liệu là ảnh chụp Sổ hộ khẩu tại Trung Quốc của Đ, B và L được Đ in ra khổ giấy A4. Ngày 07/12/2020, Văn phòng Công chứng số 1- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc đã chứng thực và dịch nội dung của các tài liệu trên. Căn cứ vào tài liệu dịch, xác định rõ nhân thân lai lịch và địa chỉ đăng ký cư trú của 03 trường hợp được bị can N tổ chức cho nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép.

Về T giữ đồ vật, tài liệu:

Quá trình điều tra, N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan An ninh điều tra các đồ vật, tài liệu sau:

- 01 Sổ Hộ chiếu số 2141276 do Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc cấp cho bị can ngày 26/11/2019. Ngày 30/12/2020, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trả lại đồ vật là 01 sổ hộ chiếu số 2141276 mang tên N cho ông P là anh ruột bị can N. Nhận lại đồ vật ông P không có yêu cầu gì khác.

- 01 Điện thoại Vivo đã cũ, bị can N đã dùng để liên lạc trong quá trình đưa 03 đối tượng Trung Quốc nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép do vậy cần phải tịch T, bán phát mại nộp tiền sung quỹ Nhà nước.

- Ngoài ra, trong quá trình cách ly tại Khách sạn DIC-Star Vĩnh Phúc, bị can N đã cung cấp cho Cơ quan An ninh điều tra 26 trang tài liệu (là ảnh chụp màn hình chiếc điện thoại Vivo của N đã được in ra khổ giấy A4), thể hiện việc liên hệ, trao đổi thông tin với người thân, bạn bè trong thời gian từ đầu tháng 11/2020 đến 15/11/2020.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-P2 ngày 08 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố N về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép”. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo N từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch T 01 Điện thoại Vivo đã cũ của bị cáo N đã dùng để liên lạc trong quá trình đưa 03 đối tượng Trung Quốc nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép bán phát mại nộp tiền sung quỹ Nhà nước.

Trả lại ông P, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Đ (anh trai bị cáo N) số tiền 2.200.000đ do ông P nộp thay bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,



người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã T thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận:

N, sinh ngày 02/02/1970 là công dân Việt Nam, sinh ra và lớn lên tại thôn S, xã H, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 1993, N bị bán sang Trung Quốc để làm vợ một người đàn ông Trung Quốc tên là I (tên gọi khác là Lục Giàu Thín). Năm 1996, N phạm tội “Mua bán phụ nữ”, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 14 năm tù, sau đó bị cáo có kháng cáo và Tòa án nhân dân tối cao xử y án sơ thẩm. Năm 2005, N chấp hành xong hình phạt tù, ra trại và tiếp tục sang Trung Quốc làm ăn, sinh sống tại thôn D, thị trấn T, huyện TD, thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc. Năm 2019, Lãnh sự quán Việt Nam tại thành phố N cấp hộ chiếu cho N với thời hạn đến năm 2029; chính quyền thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc cấp hộ chiếu cho N được phép cư trú tại Trung Quốc cho đến hết ngày 05/01/2022.

Năm 2020, N nhận lời đưa 03 người Trung Quốc là L(Lu Kang Tian), Đ (Wu Si Dong) và B(Bai Bing Yuan) từ Trung Quốc sang Việt Nam qua đường vượt biên giới trái phép nhằm tránh phải cách ly do đang có dịch bệnh Covid-19, để tìm nguồn hàng T mua gỗ sưa và trà hoa vàng tại quê của N để đem về Trung Quốc bán kiếm lời, với điều kiện đã thỏa thuận là sau khi xong việc thì 03 người Trung Quốc này sẽ trả tiền công cho N là 10.000 nhân dân tệ (tiền Trung Quốc).

Ngày 06/11/2020, N cùng Lục Khang L, Đ, B đi ô tô từ thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc đến khu vực biên giới Việt - Trung. Tại khu vực biên giới, N trao đổi, thỏa thuận với một người đàn ông khoảng 40 tuổi và Thuê người này đưa N, L, Đ, N1 vượt biên giới với tiền công 500 nhân dân tệ một người. Sau đó, người đàn ông này và N đã đưa L, Đ, N đi bộ khoảng 02 giờ đồng hồ qua đường mòn rừng núi vượt biên, nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam (khu vực tỉnh Lạng Sơn). Sau khi sang đến Việt Nam, N tổ chức đưa L, Đ, N về ở nhờ tại nhà chị gái N ở thôn Y, xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc và ở một số nơi khác là nhà của vợ chồng anh C ở số 16 M, phường Phú Diễm, quận Bắc từ Liêm, Hà Nội, nhà trọ tại thị trấn Trâu Quỳ, huyện G, thành phố Hà Nội và Nhà nghỉ Ngọc Vân ở thôn TM, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến ngày 15/11/2020, vợ chồng bà Nguyễn Thị T (chị gái N) đã báo cáo sự việc với chính quyền địa phương.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo N đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép”, được quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự,

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như sau:

“1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo N đã xâm phạm đến quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của Nhà nước. Trước đại dịch Covid - 19 trong nước và trên toàn thế giới đang diễn ra phức tạp, khó lường. Đảng và Nhà nước ta đang ra sức tuyên truyền và phòng chống dịch covid - 19, bị cáo biết và nhận thức được hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi đã tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và ở lại Việt Nam bất hợp pháp. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng an ninh, trật tự xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Tòa án có xem xét đến nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Tại bản án số: 09/HS-ST ngày 25/02/1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 14 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ” và tại bản án số 825 ngày 27/5/1997 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã giữ Bản án sơ thẩm. Bản án trên đến nay đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội nên cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch T 01 Điện thoại Vivo đã cũ của bị cáo N đã dùng để liên lạc trong quá trình đưa 03 đối tượng Trung Quốc nhập cảnh và ở lại Việt Nam trái phép bán phát mại nộp tiền sung quỹ Nhà nước.

Trả lại ông P, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Đ (anh trai bị cáo N) số tiền 2.200.000đ do ông P nộp thay bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Bị cáo N phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh và ở lại Việt nam trái phép”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo N 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/11/2020.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch T 01 Điện thoại Vivo đã cũ của bị cáo N để bán phát mại nộp tiền sung quỹ Nhà nước (có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 01 năm 2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

Trả lại ông P, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Đ (anh trai bị cáo N) số tiền 2.200.000đ do ông P nộp thay bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận**

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ + Tòa hình sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Trần Văn Thái**